

Bản án số: 91A/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2019 về việc ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Đ, A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Đài Loan.

Chị T và anh Đ vắng mặt (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22 tháng 3 năm 2019 và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống giữa hai người có nhiều cách biệt và bất đồng

về quan điểm sống nên hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi và đánh nhau nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 5 năm. Đến năm 2011, Chị T và anh Đ lại quay về sinh sống cùng với nhau. Năm 2013, chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2016, anh Đ sang Đài Loan lao động cùng với chị. Khi lao động tại Đài Loan, anh chị lại tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện nay, chị T đã về Việt Nam sinh sống còn anh Đ vẫn lao động và làm việc tại Đài Loan. Từ thời điểm chị T về Việt Nam đến nay vợ chồng chị không liên lạc, không quan tâm nhau. Chị T nhận thấy cuộc sống vợ chồng ly thân đã lâu, không còn tình cảm, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Đ có 02 con chung là Phạm Trường S, sinh ngày 25/7/2004 và Phạm Trường G, sinh ngày 03/9/2006. Theo nguyện vọng của các con, chị T đề nghị giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc. Do chị đi làm ăn xa không có chỗ ở cố định, từ nhỏ đến nay các cháu G và cháu S đang sống ổn định với ông bà nội là ông Phạm Văn T ở thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian anh Đ không có ở nhà, ông bà nội cháu sẽ thay mặt anh Đ nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung của anh chị. Chị T đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 9864/QLXNC-P5 ngày 17/6/2019 thể hiện: anh Phạm Văn Đ, sinh ngày 17/09/1980 tại Hải Dương, CCCD số: 030080000854, khai địa chỉ thường trú tại: xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số C1177479 ngày 17/12/2015 có giá trị đến ngày 17/12/2025; có thông tin xuất cảnh ngày 15/02/2016 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu nêu trên, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Văn T là bố của anh Phạm Văn Đ. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2019, 24/6/2019 và 02/8/2019, ông T trình bày: Anh Đ và chị T kết hôn từ năm 2002. Trong thời gian chung sống với nhau thì anh Đ và chị T có làm ăn thua lỗ 02 lần. Khoảng năm 2010, do công việc làm ăn không thuận lợi, chị T và con út là cháu G bỏ về bố mẹ đẻ chị T. Năm 2012, thì chị T đi lao động tại Đài Loan đến năm 2015 thì về nước. Được một thời gian thì anh Đ và chị T cùng sang nước ngoài. Đến năm 2018, chị T về nước còn anh Đ vẫn lao động và làm việc tại Đài Loan. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ và chị T là do hai vợ chồng làm ăn kinh tế thua lỗ, dẫn đến có sự cãi

vã và bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân không ở với nhau trong một thời gian dài. Anh Đ đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi và anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn xin ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung thì anh Đ và chị T có 02 con chung là cháu Phạm Trường S, sinh ngày 25/7/2004 và Phạm Trường G, sinh ngày 03/9/2006. Anh Đ có thông tin muốn được nuôi cả 02 con chung và đề nghị chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Bản thân ông T1 là người nuôi dưỡng chăm sóc cháu S và cháu G từ bé đến nay. Ông T1 nhất chí trong thời gian anh Đ ở nước ngoài, ông sẽ là người thay mặt anh Đ chăm sóc và nuôi dưỡng 02 cháu. Vì anh Đ không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đài Loan nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Ông chỉ liên lạc với anh Đ khi anh Đ điện thoại về cho ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2019, cháu G và cháu S trình bày: Các cháu là con của bố Đ và mẹ T, các cháu được ông bà nội nuôi dưỡng chăm sóc từ nhỏ. Hiện nay cháu S đang nghỉ hè chuẩn bị vào lớp 10, cháu G đang nghỉ hè chuẩn bị lên lớp 8 trường THCS L. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng ở với bố. Trong thời gian bố cháu ở nước ngoài thì các cháu ở với ông bà nội.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị T và bị đơn anh Phạm Văn Đ đều vắng mặt (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh Đ. Về con chung: Đề nghị xử giao con chung là cháu Phạm Trường G, sinh năm 2004 và cháu Phạm Trường S, sinh năm 2006 cho anh Đ nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn Đ. Anh Đ hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Do đó TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống cũng như trong việc làm ăn kinh tế. Hiện nay, chị T đang sinh sống và làm việc ở Việt Nam, trong khi anh Đ đang lao động tại Đài Loan. Giữa anh chị không có sự liên lạc qua lại về tình cảm và sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị T và anh Đ là trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là cháu Phạm Trường S, sinh ngày 25/7/2004 và Phạm Trường G, sinh ngày 03/9/2006. Chị T và anh Đ cùng thống nhất sau khi ly hôn anh Đ sẽ là người nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T và cháu S. Trong thời gian anh Đ vẫn ở nước ngoài, anh Đ và chị T cũng thống nhất tạm giao các cháu cho ông T1 là bố của anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu. Xét thấy, cháu S và G do gia đình anh Đ chăm sóc từ nhỏ đến nay, các cháu phát triển bình thường, các cháu có nguyện vọng ở với bố và ông nội, do đó giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay mức lương tối thiểu là

1.490.000đ/tháng, do đó HĐXX quyết định chị T phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi 01 con chung mỗi tháng là 750.000đ là phù hợp, hai cháu là 1.490.000đ/tháng đảm bảo việc nuôi dưỡng và phát triển bình thường của con chung theo quy định tại Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 464 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung:

- Giao con chung Phạm Trường S, sinh ngày 25/7/2004 và Phạm Trường G, sinh ngày 03/9/2006 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm giao cháu Phạm Trường S và Phạm Trường G cho ông Phạm Văn T1, trú tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh Đ ở nước ngoài.

Chị Vũ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng là 750.000đ/1 cháu; hai cháu là 1.490.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2019 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đ yêu cầu thi hành khoản tiền trên, mà chị T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0007413 ngày 03/5/2019 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Chị T còn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung. (Chị T chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, huyện T.
- Các đ-ong sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn